

**Kiểm thử CƠ BẢN**

**LAB 8**



Giảng viên hướng dẫn: **Huỳnh Khắc Duy**

Lớp/Kỳ: SD18303/SPRING2024

Thành viên nhóm :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chức vụ** | **MSSV** | **Họ và Tên** |
| Trưởng nhóm | PS33069 | Nguyễn Quốc Khánh |
| Thành viên | PS28808 | Lê Đình Mẫn |
| Thành viên | PS28752 | Cao Ngọc Thái |
| Thành viên | PS26461 | Phạm Thế Tình |
| Thành viên | PS28794 | Phạm Văn Thiện |
| Thành viên | PS21469 | Nguyễn Thị Kim Yến |

**Câu 1: Hình bên dưới thể hiện vòng đời của gì ? Hãy nêu ý nghĩa của từng giai đoạn?**

**Ảnh có chứa văn bản

Mô tả được tạo tự động**

Đó là quy trình quản lý sự cố (Incident Management) trong lĩnh vực quản lý dịch vụ và hỗ trợ công nghệ thông tin. Dưới đây là mô tả chi tiết của mỗi giai đoạn:

1. **Discovery (Phát hiện):** Giai đoạn này liên quan đến việc phát hiện sự cố. Điều này có thể bao gồm việc nhận thức về sự cố từ các nguồn khác nhau như người dùng cuối, hệ thống giám sát, hoặc các báo cáo tự động từ các hệ thống.
2. **Categorization (Phân loại):** Sự cố sau khi được phát hiện được phân loại dựa trên các yếu tố như mức độ ảnh hưởng, ưu tiên, loại sự cố, và các tiêu chí khác. Điều này giúp xác định mức độ quan trọng và ưu tiên giải quyết.
3. **Resolution (Giải quyết):** Ở giai đoạn này, các biện pháp cần được triển khai để giải quyết sự cố. Điều này có thể bao gồm việc áp dụng các giải pháp tạm thời hoặc triển khai các biện pháp sửa lỗi.
4. **Verification (Xác minh):** Sau khi sự cố được giải quyết, giai đoạn này liên quan đến việc xác minh xem các biện pháp đã triển khai có giải quyết sự cố một cách hiệu quả không.
5. **Closure (Đóng):** Nếu xác minh cho thấy rằng sự cố đã được giải quyết thành công và không có tác động tiêu cực nào khác, giai đoạn này là lúc để đóng sự cố.
6. **Reporting (Báo cáo):** Giai đoạn cuối cùng là việc tạo báo cáo về sự cố. Điều này có thể bao gồm việc ghi lại thông tin chi tiết về sự cố, các biện pháp đã thực hiện, và các kết quả xác minh.

**Câu 2: Hình bên dưới thể hiện điều gì? Hãy nêu ý nghĩa từng phần:**

**Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Phông chữ, số

Mô tả được tạo tự động**

Hình bên trên là phân loại mức độ các lỗi

Critical: Lỗi làm chết ứng dụng, không thể thực hiện bất kì thao tác gì với ứng dụng

High: Lỗi làm sập ứng dụng, tuy nhiên, một số tính năng của ứng dụng vẫn hoạt động

Medium: Một số hành vy không mong muốn của ứng dụng vẫn hoạt động

Low: Một số lỗi về chính tả.., không nghiêm trọng

**Câu 4:** **Nhìn vào hình bên dưới hãy diễn tả bằng ngôn ngữ tự nhiên thể hiện từng trạng thái của Issue:**

**Ảnh có chứa văn bản, biểu đồ, ảnh chụp màn hình, hàng

Mô tả được tạo tự động**

New status: Một lỗi mới đã được tạo ra với trạng thái là New

Open: Ở trạng thái này lỗi có thể đang được kiểm tra nhưng chưa có xử lý gì cả

Assigned: Ở trạng thái này lỗi sẽ được gán cho một Developer, họ sẽ kiểm tra và xác nhận có nên chỉnh sửa hay không, nếu lỗi không cần chỉnh sửa sẽ được đưa qua giai đoạn Rejected, nếu cần chỉnh sửa thì sẽ được đưa qua giai đoạn Fixed  
Rejected: Bỏ qua không cần chỉnh sửa

Fixed: Tiến hành chỉnh sửa

To be verified: Kiểm tra lại, nếu lỗi vẫn còn sẽ quay lại quá trình Open, nếu lỗi đã được giải quyết thì sẽ đến giai đoạn Verified/Clossed

Verified/Clossed: Kết thúc quá trình xử lý lỗi hoặc kiểm tra lại

**Câu 5: Hãy đăng nhập vào Jira và tạo một Issue sau đó thao tác Issue đó và chụp hình lại những bước đã thực hiện.**

Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, phần mềm, Biểu tượng máy tính

Mô tả được tạo tự động

Bước 1: Tạo một issue

Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, phần mềm, Biểu tượng máy tính

Mô tả được tạo tự động

Bước2: Gắn tag cho Issue đó

Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, phần mềm, Biểu tượng máy tính

Mô tả được tạo tự động

Bước 3: Thiết lập tiến trình cho issue đó

Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, phần mềm, Biểu tượng máy tính

Mô tả được tạo tự động

Bước 4: Thiết lập người tiếp nhận xử lý Issue